

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 367/2024/HSST
Ngày 30 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hương – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 30.12.2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 373/2024/HSST ngày 03.12.2024 đối với bị cáo: Nguyễn Thị Huyền N; Sinh năm: 1969. Giới tính: Nữ. HKTT: Số A, C, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Số C Tập thể M, phường B, quận H, Hà Nội. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 7/10. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Phú C (c). Con bà: Nguyễn Thị G (c). Danh chỉ bản số 698 ngày 09/11/2024 do PC11A – Công an thành phố Hà Nội cung cấp. Tiền án, tiền sự: Không. Bắt khẩn cấp ngày 09/5/1991, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/1991 đến ngày 09/01/1992. Bị cáo tại ngoại sau đó bỏ trốn đến ngày 08.11.2024 ra đầu thú. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị K (sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/1991, từ việc Phạm Toàn V gợi ý về việc nuôi gái bán dâm kiếm lời, Lê Thị H đã bàn bạc với V và Nguyễn Thị Huyền N về quê H tại T đưa chị Nguyễn Thị K lên Hà Nội để làm gái bán dâm. Sau đó, H cùng với V và N đến nhà chị K rủ chị K lên Hà Nội bán hàng nước giải khát, trả tiền công 100.000 đồng/tháng, chị K đồng ý.

Ngày 24/04/1991, Phạm Toàn V, Lê Thị H, Nguyễn Thị Huyền N đi xe đạp về đón chị K lên Hà Nội. V đưa chị K sang nhà chị H1 (hàng xóm của V ở làng T) ở nhờ, hai ngày sau, V qua đón chị K sang nhà N ở và ngủ lại đây.

Ngày 30/04/1991, Nguyễn Thị Huyền N đến nhà Lê Thị H ở số H ngõ C B, quận H, Hà Nội gặp chồng của H là Chu Văn T, N nói với T là đưa chị K đến ở nhà của vợ chồng T để chị K bán dâm tại đây, T đồng ý. Tối đó, N đưa chị K đến nhà gặp T, yêu cầu chị K bán dâm nhưng K không đồng ý. H và N lúc thì khuyên nhủ, lúc thì đe dọa chị K, nên chị K đã đồng ý. Sau đó, T gọi G1 (không xác định được nhân thân, lai lịch) đến để mua dâm chị K, Giáp quan tình dục với chị K và trả cho Hằng số tiền 20.000 đồng. Sau khi G1 về, T gọi T1 (không xác định nhân thân) đến quan hệ tình dục với chị K, T1 trả cho T số tiền 10.000 đồng.

Ngày 04/05/1991, T gọi Phạm Văn H1 (SN: 1966; Nơi cư trú: số I ngõ C B, Hà Nội), H2, T2 (không xác định nhân thân) đến quan hệ tình dục với chị K, thu 3 người tổng số tiền là 26.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Huyền N khai nhận phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. N khai có chứng kiến việc khách hàng đến mua dâm chị K tại nhà của H và T. N chưa được chia tiền từ việc bán dâm của chị K. Lời khai của Nguyễn Thị Huyền N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị K trình bày nội dung vụ việc như trên, không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với Phạm Toàn V, Chu Văn T: Ngày 25/07/1996, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm, tuyên phạt Phạm Toàn V 30 tháng tù về tội Mối giới mại dâm, Chu Văn T 30 tháng tù về tội Chứa mại dâm. Đối với Lê Thị H bỏ trốn nên hiện đang bị truy nã. Đối với các vấn đề khác có liên quan và về dân sự của vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 386/CT/VKS-HS ngày 29.11.2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng thì bị cáo Nguyễn Thị Huyền N bị truy tố về tội Chứa mại dâm theo khoản 1 điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Huyền N về tội danh và điều luật đã viện dẫn. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985, điểm s khoản 1, 2 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét xử bị cáo Nguyễn Thị Huyền N với mức hình phạt từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 392/HSST ngày 25/7/1996 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, của những người liên quan đã bị xử lý hành chính tại cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 30/4/1991, Nguyễn Thị Huyền N đã trao đổi với Chu Văn T về việc để chị Nguyễn Thị K bán dâm tại nhà của T ở Xóm L, T, H, Hà Nội. Từ ngày 30/4/1991 đến ngày 04/5/1991, tại địa chỉ trên, T đã để K bán dâm cho 05 khách, thu tổng số 56.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị Huyền N đã phạm tội Chứa mại dâm, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh và làm suy đồi đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy cần áp dụng, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Thị Huyền N chưa có tiền án, tiền sự. Tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Gia đình bị cáo có công với Nhà nước nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 392/HSST ngày 25/7/1996 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên !

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Huyền N phạm tội: “**Chứa mại dâm**”.

Áp dụng: khoản 1 điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985, điểm s khoản 1, 2 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 106, điều 136, điều 331, điều 333, điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Thị Huyền N **24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08.11.2024 (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/1991 đến ngày 09/01/1992).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Quận Hai Bà Trưng;
- Công an Quận Hai Bà Trưng;
- THA Quận Hai Bà Trưng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến